

Chi tiết mã HS 8714

Mã HS	8714
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13
Đơn vị	
Thời điểm tạo	30/10/2026 15:38:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/8714/

30 dòng thuế thuộc 8714

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8714.10.10	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)): / - - Yên xe	kg/chiếc	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.10.20	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)): / - - Nan hoa và ốc bắt đầu nan hoa	kg/chiếc	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.10.30	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)): / - - Khung và càn xe kể cả càn xe cơ cấu ống lồng, giảm xóc và các bộ phận của chúng	kg/chiếc	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.10.40	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)): / - - Bánh răng (gearing), hộp số, bộ ly hợp và các thiết bị truyền động khác và bộ phận của chúng	kg/chiếc	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.10.50	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)): / - - Vành bánh xe	kg/chiếc	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8714.10.60	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)): / - - Phanh và bộ phận của chúng	kg/chiếc	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.10.70	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)): / - - Giảm thanh (muffers) và các bộ phận của chúng	kg/chiếc	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.10.90	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)): / - - Loại khác	kg/chiếc	48%	32%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.20.11	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa xe dành cho người tàn tật: / - - Bánh xe đẩy (castor): / - - - Có đường kính (kể cả lốp) trên 75 mm nhưng không quá 100 mm, với điều kiện là chiều rộng của bánh xe hoặc lốp lắp vào không dưới 30 mm	kg/chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.20.12	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa xe dành cho người tàn tật: / - - Bánh xe đẩy (castor): / - - - Có đường kính (kể cả lốp) trên 100 mm nhưng không quá 250 mm, với điều kiện là chiều rộng của bánh xe hoặc lốp lắp vào không dưới 30 mm	kg/chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.20.19	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa xe dành cho người tàn tật: / - - Bánh xe đẩy (castor): / - - - Loại khác	kg/chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.20.90	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Cửa xe dành cho người tàn tật: / - - Loại khác	kg/chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.91.10	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Khung xe và càn xe, và các bộ phận của chúng: / - - - Dùng cho xe đạp thuộc phân nhóm 8712.00.20 (SEN)	kg/chiếc	60%	40%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.91.91	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Khung xe và càn xe, và các bộ phận của chúng: / - - - Loại khác: / - - - - Bộ phận của càn xe đạp	kg/chiếc	60%	40%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.91.99	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Khung xe và càn xe, và các bộ phận của chúng: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/chiếc	60%	40%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8714.92.10	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Vành bánh xe và nan hoa: / - - - Dừng cho xe đạp thuộc phân nhóm 8712.00.20 (SEN)	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.92.90	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Vành bánh xe và nan hoa: / - - - Loại khác	kg/chiếc	60%	40%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.93.10	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Moay ơ, trừ moay ơ kèm phanh (coaster braking hub) và phanh moay ơ, và lốp xe: / - - - Dừng cho xe đạp thuộc phân nhóm 8712.00.20 (SEN)	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.93.90	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Moay ơ, trừ moay ơ kèm phanh (coaster braking hub) và phanh moay ơ, và lốp xe: / - - - Loại khác	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.94.10	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Phanh, kể cả moay ơ kèm phanh (coaster braking hub) và phanh moay ơ, và các bộ phận của chúng: / - - - Dừng cho xe đạp thuộc phân nhóm 8712.00.20 (SEN)	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.94.90	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Phanh, kể cả moay ơ kèm phanh (coaster braking hub) và phanh moay ơ, và các bộ phận của chúng: / - - - Loại khác	kg/chiếc	60%	40%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.95.10	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Yên xe: / - - - Dừng cho xe đạp thuộc phân nhóm 8712.00.20 (SEN)	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.95.90	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Yên xe: / - - - Loại khác	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.96.10	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Pê đan và đùi đĩa, và bộ phận của chúng: / - - - Dừng cho xe đạp thuộc phân nhóm 8712.00.20 (SEN)	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.96.90	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Pê đan và đùi đĩa, và bộ phận của chúng: / - - - Loại khác	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8714.99.11	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Dừng cho xe đạp thuộc phân nhóm 8712.00.20: / - - - Tay lái, cọc lái, chắn bùn, tấm phản quang (1), giá đỡ, cáp điều khiển, giá hoặc vấu bắt đèn; phụ kiện khác (SEN)	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.99.12	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Dừng cho xe đạp thuộc phân nhóm 8712.00.20: / - - - Bánh xích và trục khuỷu; bộ phận khác (SEN)	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.99.91	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Tay lái, cọc lái, chắn bùn, tấm phản quang (1), giá đỡ, cáp điều khiển, giá hoặc vấu bắt đèn; phụ kiện khác (SEN)	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.99.93	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Ốc bắt đầu nan hoa	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)
8714.99.94	Bộ phận và phụ kiện của xe thuộc các nhóm từ 87.11 đến 87.13 / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Bánh xích và trục khuỷu; bộ phận khác (SEN)	kg/chiếc	67,5%	45%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.